

Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về di sản chữ viết của người dân tộc thiểu số từ khi Đổi mới đến nay

Nguyễn Giáo*

Nhận ngày 25 tháng 6 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 13 tháng 8 năm 2021.

Tóm tắt: Di sản văn hóa và việc ứng xử với di sản đã và đang là mối quan tâm của thế giới trong thời gian qua, với hàng loạt các công ước quốc tế có liên quan được đưa ra. Thế giới ngày càng đề cao vai trò của văn hóa đối với sự phát triển xã hội nói chung, điều đó cũng nằm trong mối quan tâm của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Bài viết nhìn lại các quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về di sản văn hóa nói chung và chữ viết của người dân tộc thiểu số nói riêng, từ khi thực hiện công cuộc Đổi mới đến nay - những tác động làm nên bức tranh thực tế về di sản chữ viết của người dân tộc thiểu số hiện tại, và sẽ còn tiếp tục chi phối nó trong tương lai.

Từ khóa: Chính sách, di sản văn hóa, di sản chữ viết, quan điểm.

Phân loại ngành: Văn hóa học

Abstract: Cultural heritage and the treatment of heritage have been paid special attention to in the world in recent years, with a series of relevant international conventions being introduced. The world increasingly appreciates the role of culture in the development of society in general, which also receives attention from the Communist Party and State of Vietnam. The article looks back at the views and policies of the Party and the State on cultural heritage in general and the writing of ethnic minorities in particular since the implementation of the Doi Moi (Renovation) until now - the effects that make a realistic picture of the ethnic minority's written heritage today, and will continue to dominate it in the future.

Keywords: Policy, cultural heritage, written heritage, perspective.

Subject classification: Cultural Studies

* Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
Email: nguyengiao76@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Thế giới toàn cầu hóa đang tạo ra rất nhiều cơ hội cho các quốc gia xích lại gần nhau, nhưng cũng dễ xóa nhòa các di sản văn hóa của các dân tộc. Việc bảo tồn, phát huy những di sản văn hóa, đặc biệt là những di sản đã được thế giới vinh danh là một lối ứng xử phù hợp trong thế giới hội nhập. Bởi vậy, di sản văn hóa là mối quan tâm của toàn cầu với hàng loạt các công ước quốc tế có liên quan được ra đời, đặc biệt là *Tuyên bố toàn cầu về đa dạng văn hoá* ngày 02 tháng 11 năm 2001 và *Công ước về bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể* ngày 03 tháng 11 năm 2003 của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO). Những văn bản này về cơ bản đã đặt nền móng cho việc ứng xử với di sản văn hóa trên thế giới. Với quan điểm coi văn hóa là nền tảng tinh thần, là mục tiêu và động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, di sản văn hóa cũng đang là mối quan tâm của xã hội Việt Nam. Trong đó, chữ viết là một đối tượng được chú ý vì nó gắn với ngôn ngữ - thành tố quan trọng của văn hóa. Trong bài viết này, chúng tôi tiến hành việc nhìn lại các quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về di sản văn hóa nói chung và về chữ viết của người dân tộc thiểu số nói riêng, từ khi thực hiện công cuộc Đổi mới cho đến nay.

2. Quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về di sản văn hóa

Quan điểm, chính sách của Việt Nam từ khi thực hiện công cuộc Đổi mới đến nay về di sản văn hóa đều có mối liên hệ với bối cảnh quốc tế. Cuối thập niên 90 của thế kỷ XX, tổ chức UNESCO đưa ra khuyến nghị về việc bảo tồn văn hoá truyền thống và văn hoá dân gian, với hy vọng rằng, các quốc gia có những giải pháp tích cực đối với di sản văn hoá phi vật thể của mình. Đầu thế kỷ XXI, chương trình *Những kiệt tác di sản văn hoá truyền miệng và phi vật thể* đã được UNESCO xây dựng, nhằm đẩy mạnh nhận thức về tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá phi vật thể của nhân loại. Chương trình này đã nhiều lần công bố Danh sách các kiệt tác di sản văn hoá truyền miệng và phi vật thể, hiện được gọi là Danh sách di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại, bên cạnh đó, còn công bố Danh sách di sản văn hoá phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp. Năm 2001, UNESCO đưa ra *Tuyên bố toàn cầu về đa dạng văn hoá*. Năm 2003, Đại hội đồng UNESCO thông qua *Công ước về bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể*. Trong công ước, khái niệm di sản văn hóa phi vật thể được định nghĩa: là các tập quán, các hình thức thể hiện, các biểu đạt, tri thức, kỹ năng - cũng như các công cụ, vật thể, đồ tạo tác và các không gian văn hóa đi kèm - mà các cộng đồng, các nhóm và trong một số trường hợp, các cá nhân thừa nhận là một phần di sản văn hóa của họ. Di sản văn hóa phi vật thể này truyền qua các thế hệ, không ngừng được tái tạo bởi các cộng đồng, các nhóm trong sự đáp ứng lại môi trường, các mối quan hệ với tự nhiên và lịch sử của họ, đưa lại cho họ ý thức về bản sắc

và sự kế thừa, do đó, thúc đẩy sự tôn trọng đối với tính đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người. Bởi những mục đích của Công ước, chỉ giới hạn xem xét những di sản văn hóa phi vật thể phù hợp với các văn kiện quốc tế hiện hành về quyền con người, cũng như với những yêu cầu của sự tôn trọng qua lại giữa các cộng đồng, các nhóm và các cá nhân, của sự phát triển bền vững. Theo đó, di sản văn hóa phi vật thể bao gồm: (1) các truyền thống và những biểu đạt mang tính truyền miệng; (2) nghệ thuật trình diễn; (3) tập quán xã hội, tín ngưỡng và các sự kiện thuộc lễ hội; (4) tri thức và tập tục liên quan đến tự nhiên và vũ trụ; (5) nghề thủ công truyền thống. Hai năm sau, Công ước về bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa đã được UNESCO đưa ra mặc dù có những tranh luận nhất định, chẳng hạn có ý kiến cho rằng, điều 12 của Công ước, quy định các quốc gia thành viên phải nỗ lực tăng cường hợp tác song phương, hợp tác khu vực và hợp tác quốc tế thông qua việc khuyến khích kí kết các thỏa thuận đồng sản xuất và đồng phân phối có thể xung đột với các nguyên tắc của Tổ chức Thương mại Thế giới (Đỗ Công Định, 2005, tr.37-41). Nhìn chung, những việc làm trên đã nhấn mạnh tầm quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể và tạo ra một chương trình hành động chung trên toàn thế giới cho việc bảo tồn và phát huy giá trị của chúng.

Ở Việt Nam, Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa đã được ban hành với quan điểm đổi mới, thể hiện một cột mốc quan trọng trong việc nhìn nhận vai trò của văn hóa đối với sự phát triển bền vững và toàn diện của đất nước. Có thể nói, chưa bao giờ vai trò của văn hóa được đề cao đến vậy. Nhìn nhận văn hóa là nền tảng tinh thần, là mục tiêu và động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, thậm chí là “nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của phát triển”, Nghị quyết đã xác định những nhiệm vụ cụ thể liên quan đến việc bảo tồn, phát huy giá trị những di sản văn hóa truyền thống, bao gồm văn hóa phi vật thể. Trong đó, Nghị quyết nhấn mạnh đến việc “bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số” thông qua việc giữ gìn và khai thác những giá trị truyền thống; bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, chữ viết; đầu tư và tổ chức điều tra, sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến các giá trị văn hóa, văn học, nghệ thuật... Trong các Đại hội Đảng kế tiếp (khóa IX, khóa X, khóa XI), quan điểm trên tiếp tục được khẳng định.

Về chính sách, từ những quan điểm chủ đạo của Đảng về văn hóa trong thời gian qua, nhiều chương trình liên quan đến việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể đã được Nhà nước chỉ đạo triển khai. Trong đó, tiêu biểu nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá, bắt đầu được thực hiện từ những năm cuối thập niên 90 của thế kỷ XX. Đáng chú ý, chương trình dành mối quan tâm lớn cho di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số. Chương trình xác định một trong các nhiệm vụ tập trung hướng tới giai đoạn thứ nhất (1997 - 2000) là bảo vệ di sản văn hoá các dân tộc thiểu số, nhất là các di sản do nghệ nhân cao tuổi nắm giữ đang có nguy cơ mất đi. Ở giai đoạn thứ hai (2001 - 2005), đặt ra mục tiêu sưu tầm toàn diện di sản văn hoá phi vật thể các dân tộc, trong đó ưu tiên các dân tộc và nhóm dân tộc có số dân ít, các di sản có nguy cơ mai một cao như: sử thi,

âm nhạc, nghề thủ công, lễ hội dân tộc ít người... cũng như nghiên cứu phục dựng một số loại hình nghệ thuật, sinh hoạt văn hoá dân gian tiêu biểu ở các vùng văn hoá Bắc Bộ, Tây Bắc, Việt Bắc và Tây Nguyên; biên soạn giáo trình về văn hoá phi vật thể của các dân tộc để có thể đưa vào hệ thống giáo dục các cấp; điều tra và lập hồ sơ dự án các bản, buôn... tiêu biểu của một số dân tộc thiểu số; tổ chức các lễ hội và bảo tồn một số làng nhằm thu hút khách du lịch; tổ chức tuyên truyền giáo dục ý thức bảo tồn di sản văn hoá dân tộc trên các phương tiện thông tin đại chúng (Nguyễn Quốc Hùng, 2001, tr.18-19). Thông qua những hoạt động cụ thể của chương trình, nhiều hình thức văn hóa truyền thống của các dân tộc đã được biết đến rộng rãi.

Năm 2001, Luật Di sản văn hoá được công bố. Gần một thập niên sau, ngày 18 tháng 6 năm 2009, Quốc hội đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá số 28/2001/QH10. Trong đó, di sản văn hoá phi vật thể được định nghĩa khá tương thích với quan niệm của UNESCO:... là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hoá liên quan, có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác. Sự xuất hiện của Luật Di sản văn hoá là một bước tiến quan trọng trong quá trình nhận thức của Đảng cũng như chính quyền về vai trò của văn hóa, điều này cho thấy sự quyết tâm thực hiện Công ước về bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể mà Việt Nam sớm phê chuẩn.

Ở mức độ cụ thể hơn, có thể nhắc đến Nghị định của Chính phủ số 92/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá. Nghị định đã xác định 6 biện pháp cần thiết để bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể là: (1) tổ chức thực hiện các dự án nghiên cứu, sưu tầm, thống kê, phân loại các di sản văn hoá phi vật thể trong phạm vi toàn quốc; (2) tiến hành sưu tầm, thống kê, phân loại thường xuyên và định kỳ về di sản văn hoá phi vật thể; (3) tăng cường việc truyền dạy, phổ biến, xuất bản, trình diễn và phục dựng các loại hình di sản văn hoá phi vật thể; (4) đầu tư và hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể, ngăn chặn nguy cơ làm mai một, thất truyền di sản văn hoá phi vật thể; (5) mở rộng các hình thức xã hội hoá trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể; (6) thực hiện việc thẩm định miễn phí, hướng dẫn nghiệp vụ và hỗ trợ lưu giữ, bảo quản di sản văn hoá phi vật thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu di sản văn hoá phi vật thể đó.

Ở các cấp độ khác nhau, những biện pháp này đã được hiện thực hóa thành các dự án và chương trình cụ thể. Tuy còn có những mặt thiếu sót nhất định, về cơ bản, các biện pháp đã góp phần quan trọng giảm thiểu nguy cơ mất mát những di sản đang được đề cập đến.

Có thể nói, từ khi thực hiện công cuộc Đổi mới đến nay, với dấu mốc là Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII của Đảng, Việt Nam đã có những đường lối, chính sách cụ thể trong vấn đề bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể của các dân tộc

trên quan điểm coi văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội. Điều này tạo nên một cơ sở thuận lợi cho việc bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị di sản chữ viết của người dân tộc thiểu số.

3. Quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về di sản chữ viết của người dân tộc thiểu số

Quan điểm của Đảng về di sản chữ viết của người dân tộc thiểu số sau Đổi mới có sự kế thừa các quan điểm trước đó (khởi đầu là Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ I năm 1935).

Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) năm 1998 đã ban hành Nghị quyết về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nêu rõ chủ trương bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, chữ viết của các dân tộc: đi đôi với việc sử dụng tiếng nói, chữ viết phổ thông, khuyến khích thế hệ trẻ thuộc đồng bào các dân tộc thiểu số học tập, hiểu biết và sử dụng thành thạo tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình... Năm 2014, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng ký ban hành Nghị quyết 33-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 9 (khóa XI), trong đó khẳng định: giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, nhất là tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội truyền thống; các giá trị văn hóa tích cực trong tôn giáo, tín ngưỡng... Việc khẳng định tiếng nói, chữ viết trước các yếu tố khác cho thấy sự nhấn mạnh của Đảng về tầm quan trọng của di sản này trong nền văn hóa của mỗi dân tộc. Sau một thời gian thực hiện, đến năm 2020, Bộ Chính trị có Kết luận số 76-KL/TW ngày 04 tháng 06 năm 2020 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 33 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, trong đó có đánh giá “tiếng nói, chữ viết, phong tục, tập quán, văn hóa đặc trưng của một số dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một dần”. Với thực tiễn đang diễn ra như vậy, Kết luận khẳng định cần có các giải pháp cụ thể, kịp thời hơn nữa trong việc bảo tồn di sản văn hóa các dân tộc thiểu số trong bối cảnh mới, trong đó có chữ viết. Điều đó cho thấy, việc bảo tồn di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, trong đó có chữ viết luôn được Đảng quan tâm, chỉ đạo.

Quan điểm nhất quán của Đảng về chữ viết của các dân tộc thiểu số đã được cụ thể hóa trong các văn bản quy phạm pháp luật: Luật Phổ cập giáo dục tiểu học số 56-LCT/HĐNN8 được Quốc hội ban hành ngày 12 tháng 8 năm 1991, tại Điều 4 khẳng định rõ: “Các dân tộc thiểu số có quyền sử dụng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình cùng với tiếng Việt để thực hiện giáo dục tiểu học”. Ngày 26/10/1991, Hội đồng Bộ trưởng đã ra Nghị định số 338-HĐBT về việc thi hành luật này; Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992, tại Điều 5 đã quy định: “Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc và phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình”.

Trong khi xác định tiếng Việt là ngôn ngữ giảng dạy chính thức, còn tiếng/ chữ dân tộc là một môn học, Thông tư 01/GD-ĐT về hướng dẫn việc dạy và học tiếng nói, chữ viết

dân tộc thiểu số ban hành ngày 03 tháng 02 năm 1997 của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhấn mạnh một số nguyên tắc chung như sau: (1) thực hiện Luật phổ cập giáo dục tiểu học, trước hết triển khai dạy học môn tiếng dân tộc (bao gồm tiếng nói, chữ viết) trong các trường lớp mẫu giáo, các trường tiểu học, các lớp xoá mù chữ và bổ túc văn hoá tại các vùng dân tộc thiểu số. Việc dạy học tiếng, chữ dân tộc cần căn cứ vào chương trình và kế hoạch dạy học của các loại trường, lớp nói trên; (2) việc dạy học tiếng dân tộc phải thực hiện theo những bước đi vững chắc, sau khi đã đảm bảo các điều kiện: được Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố đề nghị tiến hành giảng dạy, đã có chương trình và tài liệu, có đủ giáo viên và cơ sở vật chất. Ở những nơi đang tiến hành dạy học tiếng dân tộc cần củng cố các điều kiện trên để việc giảng dạy được liên tục và có chất lượng; (3) ở những cơ sở dạy tiếng dân tộc, tiếng dân tộc được giảng dạy như một môn học, bình đẳng với các môn học khác trong nhà trường, nhằm mục đích giúp người học tiếp thu nhanh, thuận lợi các kiến thức được truyền đạt bằng tiếng dân tộc và tiếng phổ thông, góp phần bảo tồn và phát triển tiếng nói, chữ viết và văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số; (4) đa dạng hoá các hình thức dạy học tiếng dân tộc. Người học có thể lựa chọn việc học tập thích hợp: học ở trường, học ở gia đình, ở các lớp học thêm ngoài giờ, học tiếng dân tộc sau khi đã học xong bậc tiểu học... Mở các lớp học xoá mù chữ cho người lớn tuổi ở các thôn ấp, làng bản, các lớp học tiếng dân tộc buổi chiều, buổi tối... Dù dạy học theo hình thức nào, nhất thiết phải thực hiện theo nội dung chương trình và tài liệu dạy học do ngành giáo dục quy định.

Luật Di sản văn hóa năm 2001 (được sửa đổi, bổ sung vào năm 2009) tại Khoản 2, Điều 21 quy định: “Dạy tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo yêu cầu công việc; dạy tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số cho học sinh người dân tộc thiểu số theo quy định của Luật giáo dục; xuất bản sách, báo, thực hiện các chương trình phát thanh, truyền hình, sân khấu bằng tiếng dân tộc thiểu số”.

Nghị định số 72/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thư viện, Điều 14 (chính sách đầu tư đối với thư viện hoạt động bằng ngân sách nhà nước) có ghi rõ: “Nhà nước có chính sách đầu tư cho việc viết, xuất bản các sách, báo dành cho trẻ em, sách, báo bằng tiếng dân tộc thiểu số, tài liệu dành cho người khiếm thị để phục vụ cho các đối tượng này”.

Điều 1, Mục 3 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 03/2004/QĐ-TTG ngày 07 tháng 01 năm 2004 phê duyệt định hướng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn đến năm 2010 đưa ra nội dung: “Đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc cho cán bộ, công chức cấp xã không biết tiếng dân tộc ở những xã có đồng bào dân tộc chiếm từ 50% dân số trở lên ở địa phương”.

Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh đào tạo bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc miền núi khẳng định: “... đa số cán bộ, công chức đến công tác ở vùng dân tộc,

miền núi còn gặp không ít khó khăn trong công tác cũng như trong sinh hoạt, một trong những nguyên nhân là không biết tiếng dân tộc thiểu số và chưa am hiểu phong tục tập quán, truyền thống văn hoá của đồng bào các dân tộc thiểu số. Hạn chế này đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác tuyên truyền, vận động thuyết phục đồng bào dân tộc thiểu số trong việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Yêu cầu cấp bách của công tác quản lý và phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh, quốc phòng đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức công tác ở các vùng có đồng bào dân tộc thiểu số phải biết tiếng dân tộc để giao tiếp và sử dụng trong công tác”.

Luật sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục năm 2009, tại Khoản 2, Điều 7 nhấn mạnh: “Nhà nước tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giúp cho học sinh người dân tộc thiểu số dễ dàng tiếp thu kiến thức khi học tập trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác. Việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số được thực hiện theo quy định của Chính phủ”.

Điều 2, Nghị định số 82/2010/ NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định dạy và học tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên có ghi: “Nhà nước tập trung đầu tư, ưu tiên việc dạy và học tiếng dân tộc thiểu số đối với các dân tộc thiểu số ít người”. Về việc quy định dạy và học tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, Nghị định có ghi rõ điều kiện tổ chức dạy học là: “Người dân tộc thiểu số có nguyện vọng, nhu cầu học tiếng dân tộc thiểu số; bộ chữ tiếng dân tộc thiểu số được dạy và học trong nhà trường phải là bộ chữ cổ truyền được cộng đồng sử dụng, được cơ quan chuyên môn xác định hoặc bộ chữ đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn; chương trình và sách giáo khoa tiếng dân tộc thiểu số được biên soạn và thẩm định theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số đạt trình độ chuẩn đào tạo của cấp học tương ứng, được đào tạo dạy tiếng dân tộc thiểu số tại các trường cao đẳng, đại học sư phạm, khoa sư phạm; cơ sở vật chất và thiết bị dạy học tiếng dân tộc thiểu số theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo”.

Ngày 14/1/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 05/2011/NĐ-CP về Công tác dân tộc, trong đó khẳng định, một trong những nguyên tắc cơ bản của công tác dân tộc là: “Đảm bảo việc giữ gìn tiếng nói, chữ viết, bản sắc dân tộc, phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mỗi dân tộc”. Nghị định 05/2011/NĐ-CP, đề cập đến chính sách phát triển giáo dục và đào tạo đối với các dân tộc thiểu số, cũng nhấn mạnh: “Tiếng nói, chữ viết và truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc được đưa vào chương trình giảng dạy trong các trường phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học phù hợp với địa bàn vùng dân tộc”. Về chính sách bảo tồn và phát triển văn hóa, Nghị định nêu rõ: “Hỗ trợ việc giữ gìn và phát triển chữ viết của các dân tộc có chữ viết. Các dân tộc thiểu số có trách nhiệm gìn giữ

văn hóa truyền thống tốt đẹp, tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình phù hợp với quy định của pháp luật”.

Khoản 3, Điều 5, Hiến pháp năm 2013 quy định: “Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình”. Gần đây nhất, Khoản 2, Điều 11, Luật Giáo dục năm 2019 quy định: “Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình theo quy định của Chính phủ”.

Qua những văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến công tác bảo tồn, phát huy việc học và dạy tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số, có thể thấy, quan điểm bảo tồn và phát huy ngôn ngữ các dân tộc thiểu số đã được cụ thể hóa nhất quán và đồng bộ. Nhờ đó, trong nhiều năm qua, tiếng nói và chữ viết của nhiều dân tộc thiểu số ở nước ta được quan tâm đầu tư với mục đích phát hiện, lưu giữ, bảo tồn và phát triển.

Trong thực tiễn, việc triển khai dạy chữ dân tộc cho người dân tại chỗ đã được thực hiện khá tích cực ở khắp các vùng dân tộc thiểu số và việc thực hiện cũng đa dạng về hình thức như: dạy tại trường phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng của các xã... vì thế, về cơ bản đáp ứng được nhu cầu của các đối tượng khác nhau.

Chữ viết gắn với ngôn ngữ, ngôn ngữ lại là di sản văn hóa quan trọng của mỗi dân tộc, vì thế chữ viết cũng chính là một phần của văn hóa. Bên cạnh đó, bản thân nó còn là công cụ truyền tải các hình thức văn hóa truyền thống khác của dân tộc. Chẳng hạn, người Thái khi họ biết chữ Thái, họ sẽ đọc được các văn bản bằng thứ chữ này liên quan đến phong tục tập quán của dân tộc mình, như lời các bài hát trữ tình dân gian hay các bài mo cúng (trích đoạn). Mặt khác, chữ viết Thái cũng góp phần giúp cho người Thái biết được lịch sử phát triển của dân tộc qua các văn bản cổ. Điều đó cho thấy, bảo tồn di sản chữ viết có vai trò thực sự quan trọng trong việc giúp chủ thể văn hóa hiểu về chính bản thân. Hơn nữa, chữ dân tộc cũng đang được sử dụng để tạo nên các sản phẩm văn hóa mới. Không ít nhà văn, nhà thơ tiếp tục sáng tác bằng chữ dân tộc như Triệu Đức Thanh, Bàn Thị Ba (dân tộc Dao), Mai Ngọc Hường, Hoàng Định, Nguyễn Thị Cáp (dân tộc Tày)... Mặt khác, hiện nay các văn bản bằng chữ dân tộc còn là một kênh đưa thông tin đến với đồng bào. Trên thực tế, tại các địa phương có đông người dân tộc thiểu số, đa số các nội dung tuyên truyền, nhất là việc tuyên truyền các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đều được biên dịch song ngữ, hoặc biên soạn lại bằng tiếng dân tộc địa phương với mục đích giúp người dân dễ tiếp cận hơn.

Như ta biết, ngôn ngữ nằm trong các quan hệ quyền lực, theo Gellner, quá trình thống nhất ngôn ngữ - tức đẩy các phương ngữ ra ngoại biên, có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thành lập nhà nước (Gellner, E., 1983). Nếu nói như Scott thì, thậm chí ngôn ngữ còn là “điều kiện chủ yếu” làm nên nhà nước (Scott, J.C., 1998). Chẳng phải ngẫu nhiên mà Woolard đã quả quyết: “Không thể coi hệ thống văn tự chỉ là sự chuyển tải ngôn ngữ nói thành ngôn ngữ viết mà phải coi đó là các biểu tượng mang ý nghĩa chính trị, văn hóa và lịch sử” (Woolard, K.A., 1998, tr.23). Vì vậy, việc chính quyền Việt Nam có động thái

khuyến khích người dân tộc thiểu số hướng đến chữ viết của các ngôn ngữ bản tộc (trong khi nó vốn rất coi trọng chủ nghĩa quốc gia) cho thấy một sự tiến bộ về mặt quan điểm. Đặt trong bối cảnh quan hệ dân tộc ở Việt Nam đã và đang có những diễn biến phức tạp, điều này càng rõ nét (McElwee, P., 1999, tr.30-38; McElwee, P., 2007, tr.57-107; McElwee, P., 2008, tr.81-116; Duong, B.H., 2008, tr.231-260). Thay vì tuyệt đối hóa quyền lực của mình, Nhà nước đã thể hiện bản thân như là một chính thể đang tạo điều kiện tích cực để các dân tộc thiểu số được tự chủ về mặt văn hóa (mà cụ thể ở đây là chữ viết).

Tóm lại, không thể phủ nhận những nỗ lực của Nhà nước trong việc khuyến khích người dân học chữ viết của ngôn ngữ bản tộc như một cách giữ gìn bản sắc. Thậm chí, Nhà nước còn phần nào “luật hóa” điều này khi xem việc biết chữ viết của ngôn ngữ tộc người tương đồng với việc biết một ngoại ngữ để làm điều kiện bổ nhiệm, nâng lương...

4. Kết luận

Với việc ngày càng đề cao vai trò của văn hóa khi coi nó vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển, Đảng và Nhà nước đã có những quan điểm, chính sách tích cực trong vấn đề bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể của các dân tộc từ khi thực hiện công cuộc Đổi mới đến nay. Những quan điểm, chính sách này được hoàn thiện theo thời gian, có sự tiệm cận hoặc chịu ảnh hưởng bởi các xu hướng tiến bộ của quốc tế. Đó là một điều kiện thuận lợi đối với việc bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung và chữ viết nói riêng của người dân tộc thiểu số. Dù vậy, bên cạnh những gì đã đạt được, hạn chế vẫn còn. Đó là, vẫn có độ vênh nhất định giữa các quan điểm, chính sách của Việt Nam với công ước quốc tế về việc ai thực sự là chủ nhân của di sản văn hóa phi vật thể. Với công ước quốc tế, chủ nhân của di sản này luôn được nhấn mạnh là người dân, nhưng ở Việt Nam, có lúc và có nơi, các cấp chính quyền lại giữ tiếng nói quyết định hơn trong việc ứng xử với các di sản văn hóa quốc gia. Hạn chế nói trên cần được khắc phục sớm trong tương lai, để các quan điểm và chính sách về vấn đề này ngày càng phù hợp hơn với thực tiễn.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Công Định (2005), “Công ước về bảo tồn và phát triển đa dạng văn hóa - một góc nhìn”, Tạp chí *Toàn cảnh sự kiện và dư luận*, số 185.
2. Nguyễn Quốc Hùng (2001), “Bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể, khái niệm và nhận thức”, Tạp chí *Văn hoá Nghệ thuật*, số 4.
3. Quốc hội (1992), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

5. Duong, B.H. (2008), “Contesting Marginality: Consumption, Networks, and Everyday Practice among Hmong Girls in Sa Pa, Northwestern Vietnam”, *Journal of Vietnamese Studies*, 3.3.
6. Gellner, E. (1983), *Nations and Nationalism*, Oxford: Blackwell.
7. McElwee, P. (1999), “Policies of Prejudice: Ethnicity and Shifting Cultivation in Vietnam”, *Watershed*, 5.
8. McElwee, P. (2007), “From the Moral Economy to the World Economy: Revisiting Vietnamese Peasants in a Globalizing Era”, *Journal of Vietnamese Studies*, 2.2.
9. McElwee, P. (2008), “Blood Relatives” or Uneasy Neighbors? Kinh Migrant and Ethnic Minority Interactions in the Truong Son Mountains”, *Journal of Vietnamese Studies*, 3.3.
10. Scott, J.C. (1998), *Seeing Like a State: How Certain Schemes to Improve the Human Conditions Have Failed*, New Haven: University Press.
11. Woolard, K.A. (1998), “Introduction: Language Ideology as a Field of Inquiry”, in: Schieffelin, B.B., Woolard, K.A., Kroskrity, P.V., *Language Ideologies: Practice and Theory*, New York: Oxford University Press.
12. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1998), “Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16 tháng 7 năm 1998 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-viii/nghi-quyet-so-03-nqtw-ngay-1671998-hoi-nghi-lan-thu-nam-bchtw-dang-khoa-viii-ve-xay-dung-va-phat-trien-nen-van-hoa-viet-681>, truy cập ngày 12/8/2021.
13. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2014), “Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 06 năm 2014 Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xi/nghi-quyet-so-33-nqtw-ngay-962014-hoi-nghi-lan-thu-9-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-ve-xay-dung-va-phat-trien-590>, truy cập ngày 12/8/2021.
14. Bộ Chính trị (2020), “Kết luận số 76-KL/TW ngày 04 tháng 06 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 06 năm 2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ket-luan-so-76kltw-ngay-462020-cua-bo-chinh-tri-ve-tiep-tuc-thuc-hien-nghi-quyet-so-33-nqtw-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-6470>, truy cập ngày 12/8/2021.
15. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1997), “Thông tư số 01/1/GD-ĐT ngày 03 tháng 2 năm 1997 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn việc dạy học tiếng nói và chữ viết dân tộc thiểu số”, http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=744&mode=detail&document_id=3301, truy cập ngày 12/8/2021.
16. Chính Phủ (2004), “Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 03/2004/QĐ-TTG ngày 07 tháng 01 năm 2004 phê duyệt định hướng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn đến năm 2010”, http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=194&mode=detail&document_id=12499, truy cập ngày 12/8/2021.

17. Chính phủ (2004), “Chỉ thị số 38/2004/CT-TTG ngày 09 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi”, http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=10&mode=detail&document_id=13541, truy cập ngày 12/8/2021.
18. Chính phủ (2010), “Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 07 năm 2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên”, http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=95695, truy cập ngày 12/8/2021.
19. Chính phủ (2010), “Nghị định số 5/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc”, http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=98691, truy cập ngày 12/8/2021.
20. Chính phủ (2010), “Nghị định số 338/HĐBT ngày 26 tháng 10 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng về thi hành Luật phổ cập giáo dục tiểu học”, http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=1415, truy cập ngày 12/8/2021.
21. Hội đồng Bộ trưởng (2002), “Nghị định số 72/2002/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thư viện”, http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=10957, truy cập ngày 12/8/2021.
22. Quốc hội (1991), “Luật Phổ cập giáo dục tiểu học của Quốc hội số 56/LCT/HĐNN8”, http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=1455, truy cập ngày 12/8/2021.
23. Quốc hội (1991), “Luật số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa”, http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=91024, truy cập ngày 12/8/2021.
24. Quốc hội (2009), “Luật số 44/2009/QH12 ngày 25 tháng 11 năm 2009 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục”, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-giao-duc-sua-doi-nam-2009-98730.aspx>, truy cập ngày 12/8/2021.
25. Quốc hội (2019), “Luật Giáo dục”, http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=197310, truy cập ngày 12/8/2021.